

KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG HỌC TẬP MÔN HÓA HỮU CƠ CỦA SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUỠNH THỊ MINH HANG*

TÓM TẮT

Kỹ năng học tập ở bậc đại học là một trong những yếu tố quyết định kết quả học tập của sinh viên và là những kỹ năng hết sức quan trọng mà mỗi sinh viên đại học cần phải có. Bài viết này trình bày kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng các kỹ năng học tập của sinh viên Đại học Y Dược TP HCM, từ đó đưa ra những nhận định và giải pháp phát triển và rèn luyện giúp cho sinh viên có được kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả và khoa học.

Từ khóa: học tập, kỹ năng, kỹ năng học tập, đánh giá kỹ năng học tập.

ABSTRACT

Research and evaluation of students' learning skills in the subject organic chemistry at Ho Chi Minh city University of Medicine and Pharmacy

Learning skills at university level is one of the decisive factors affecting students' learning outcomes and are very important skills that every student should have. This article presents results of the survey and assesses the reality of students' learning skills at HCMC University of Medicine and Pharmacy. Based on this, some considerations and solutions to training are proposed in order to help students acquire learning skills as well as effective learning methods.

Keywords: learning, skills, learning skills, evaluation of learning skills.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động chủ đạo của học sinh, sinh viên trong nhà trường là hoạt động học tập. Nhưng so với hoạt động học tập của học sinh phổ thông, việc học tập của sinh viên có nhiều điểm khác. Trước hết, hoạt động học tập của học sinh, sinh viên là quá trình nhận thức nhằm chiếm lĩnh những tri thức trong kho tàng trí tuệ của nhân loại. Điểm khác nhau là khi tiến hành hoạt động học tập, sinh viên không chỉ nhận thức thông thường mà tiến hành hoạt động nhận thức mang tính chất nghiên

cứ trên cơ sở tư duy độc lập, sáng tạo phát triển ở mức độ cao để chuẩn bị cho một ngành nghề nhất định. Vì vậy, hoạt động học tập của sinh viên còn gọi là hoạt động học tập nghề nghiệp. Vấn đề học vấn tiếp thu được trong thời kỳ này hết sức quan trọng vì nó là công cụ để sinh viên tiến hành tham gia vào lĩnh vực nghề nghiệp sau này và là nền tảng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu. Một điều khác nữa so với hoạt động học tập của học sinh phổ thông thì hoạt động học tập của sinh viên mang tính tự giác, tích

* ThS, Trường Đại học Y Dược TP HCM

cực chủ động hơn. Sinh viên ngoài giờ lên lớp theo chương trình học chính khóa, còn phải tích cực đọc thêm sách và tài liệu tham khảo để tự phát triển kiến thức cho mình, tranh thủ sự giúp đỡ của giảng viên để đào sâu kiến thức chuyên môn. Có như vậy, sau khi ra trường họ mới vững vàng trong công việc của mình. Mặt khác, khối lượng kiến thức giảng dạy ở bậc đại học là vô cùng lớn, phương pháp giảng dạy và môi trường học tập cũng khác xa bậc học phổ thông. Do đó, sinh viên cần có được phương pháp học tập thích hợp để có thể tiếp thu tốt khối kiến thức đồ sộ đó. Nhiều sinh viên cho rằng chỉ cần cố gắng học là có thể đạt kết quả tốt, nhưng thật ra, học ở đại học khác với học ở trung học rất nhiều, và biết cách học có hiệu quả ở đại học là một điều quan trọng nhưng chưa được sinh viên quan tâm đúng mức.

Tri thức của nhân loại hiện nay rất rộng, lượng kiến thức cần để hành nghề rất lớn (bất cứ ngành nghề nào), và những kiến thức này liên tục thay đổi nhanh chóng. Với sự phát triển liên tục của các ngành khoa học và kỹ thuật tạo nên số lượng thông tin mà sinh viên cần phải biết ngày càng tăng, trong khi đó chương trình và thời gian học ở bậc đại học không thể kéo dài thêm. Các trường đại học không thể trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức để có thể sử dụng lâu dài, đáp ứng nhu cầu của xã hội và yêu cầu nghề nghiệp. Vì vậy, việc nghiên cứu hoạt động học tập của sinh viên và giúp sinh viên có được những kỹ năng và phương pháp học tập phù hợp là một trong những nội dung rất quan trọng của

công tác giáo dục trong nhà trường đại học hiện nay.

Môn Hóa hữu cơ là một trong những môn khoa học cơ sở rất quan trọng trong chương trình giáo dục đại học, đặc biệt là ngành Dược, làm nền tảng cho việc lĩnh hội các kiến thức của các môn học nghiệp vụ về sau như Hóa dược, Dược liệu, Bào chế, Công nghiệp dược, Quản lý tồn trữ thuốc, Phân tích - Kiểm nghiệm dược phẩm..., và do đó đây là một học phần bắt buộc, chiếm một tỉ lệ cao về thời lượng trong chương trình, đòi hỏi sinh viên phải có những kỹ năng và phương pháp học tập một cách khoa học và hiệu quả nhất.

2. Một số cơ sở lý luận

Học tập là một khái niệm được dùng trong đời sống hằng ngày để chỉ việc học diễn ra theo phương thức thường ngày, đem lại cho con người những tri thức tiến bộ khoa học và những kỹ năng hoạt động trực tiếp, cảm tính. Trong khoa học giáo dục, đặc biệt là tâm lý học, học tập được dùng để chỉ một quá trình lĩnh hội nhất định của con người với những yêu cầu, mục tiêu cụ thể. Đó là sự thay đổi tương đối bền vững trong kiến thức hay hành vi, do kinh nghiệm hoặc do luyện tập tạo nên. Hoạt động trong đó việc học tập diễn ra một cách có chủ định nhằm mục đích trực tiếp là sự tiếp thu tri thức, biến đổi hành vi của cá nhân gọi là hoạt động học tập - một hoạt động đặc thù của con người. Hoạt động học tập là một hoạt động diễn ra theo một phương thức đặc thù là phương thức nhà trường, qua đó nhằm hình thành ở người học những tri thức khoa học, những kỹ năng,

kĩ xảo, những năng lực mới phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn.

Bản chất của hoạt động học tập là quá trình từng cá thể tiếp thu, lĩnh hội những thành tựu văn hóa vật chất và tinh thần mà thế hệ trước để lại trong thế giới vật chất và tinh thần của nhân loại. Đó không phải là sự thích nghi sinh học thuần túy mà bằng cách tái hiện lại những thuộc tính, những năng lực do con người tạo ra, biến nó thành cái riêng của mình dưới sự hướng dẫn chỉ bảo của thầy giáo. Như vậy, muốn có kết quả, người học phải tích cực tiến hành những hành động học tập nhằm tái tạo lại bằng những phương thức mà loài người đã phát hiện, khám phá ra tri thức ấy. Khác với những dạng hoạt động khác, hoạt động học tập không hướng vào mục đích tạo ra sản phẩm vật chất mà hướng vào việc làm biến đổi chính bản thân người học, hướng vào sự phát triển tâm lí, nhân cách con người. Đó cũng chính là mục đích trên hết và quan trọng nhất của hoạt động học tập. Như vậy, mục đích và kết quả của hoạt động học tập thể hiện ở sự biến đổi chính chủ thể hành động chứ không làm biến đổi khách thể mà chủ thể tác động vào. Do vậy, nếu ý thức được đầy đủ và sâu sắc điều này, cá nhân sẽ hành động một cách tích cực và đạt được kết quả mong muốn. [5]

Kĩ năng học tập là những dạng chuyên biệt của năng lực thực hiện hành động cá nhân trong việc giải quyết các nhiệm vụ học tập, hoặc năng lực tiến hành hoạt động học tập của cá nhân người học. Năng lực nói chung luôn được xem xét trong mối quan hệ với dạng hoạt

động hoặc quan hệ nhất định nào đó, không thể có loại năng lực không để làm gì cả. Nó được cấu thành từ những bộ phận cơ bản: 1) Tri thức về lĩnh vực hoạt động hay quan hệ đó; 2) Kĩ năng tiến hành hoạt động hay xúc tiến, ứng xử với quan hệ nào đó; 3) Những điều kiện tâm lí để tổ chức và thực hiện tri thức, kĩ năng đó trong một cơ cấu thống nhất và theo một định hướng rõ ràng. Chẳng hạn ý chí, tình cảm và thái độ đối với nhiệm vụ, hoặc nói chung là tính tích cực trí tuệ, tính tích cực giao tiếp, tính tích cực học tập... Mỗi một trong ba cấu tạo tâm lí nói trên khi tách riêng ra đều là những dạng chuyên biệt của năng lực: có loại năng lực ở dạng tri thức (năng lực biết), có loại năng lực ở dạng kĩ năng (năng lực làm), và có loại năng lực ở dạng xúc cảm, biểu cảm (năng lực biểu cảm). Khi kết hợp cả ba loại lại, vẫn là năng lực, nhưng mang tính chất hoàn thiện hơn và khái quát hơn. [2]

Như vậy, kĩ năng học tập không phải đơn thuần chỉ là vấn đề thao tác, mà kĩ năng có bản chất tâm lí (cấu tạo tâm lí chuyên biệt cho phép cá nhân có thể thực hiện hoạt động), nhưng có hình thức vật chất là hành vi hoặc hành động (phương thức hành vi chuyên biệt trong công việc thực sự).

Kĩ năng học tập được hiểu là năng lực vận dụng có hiệu quả những tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể lĩnh hội để thực hiện những nhiệm vụ học tập tương ứng. Kĩ năng học tập bao gồm các tri thức về hành động học tập ở mức độ cụ thể. Kĩ năng học tập được thể hiện thông qua cách thức thực hiện hành

vi học tập có sự phối hợp, có tổ chức, đạt được thông qua sự huấn luyện và thực hành.

Trong nghiên cứu này chấp nhận quan điểm của các nhà tâm lí học đại diện cho lí thuyết nhận thức như Jean Piaget, Vurgôtsky, Leonchiev cho rằng các kĩ năng học tập có vai trò quan trọng trong quá trình học tập của học sinh. Các kĩ năng học tập gồm tất cả các cách thức làm việc và tư duy mà người học sử dụng để tổ chức và thực hiện quá trình học tập của mình một cách hiệu quả nhất. [6]

Hóa hữu cơ là môn khoa học lí thuyết và thực nghiệm. Như vậy trong hoạt động học tập môn Hóa hữu cơ, kĩ năng học tập được xem là mức độ biểu hiện cụ thể, cơ bản và tập trung nhất của năng lực thực hiện nhiệm vụ học tập môn hóa hữu cơ của sinh viên.

Kĩ năng học tập ở bậc đại học là một trong những yếu tố quyết định kết quả học tập của sinh viên và là những kĩ năng hết sức quan trọng mà mỗi sinh viên đại học cần phải có. Trong hoạt động học tập nói chung và hoạt động học tập môn Hóa hữu cơ nói riêng, có nhiều nhóm kĩ năng học tập khác nhau, mỗi nhóm kĩ năng bao gồm một số kĩ năng tổ hợp, kĩ năng tổ hợp lại bao gồm nhiều kĩ năng bộ phận, mỗi kĩ năng bộ phận này lại cấu thành từ một số kĩ năng chi tiết hơn. Để mô tả đầy đủ từng kĩ năng tổ hợp, cần có nhiều điều kiện nữa. Vì vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi tập trung khảo sát và đánh giá một số kĩ năng học tập quan trọng và phổ biến nhất cần rèn luyện và phát triển cho sinh viên gồm: kĩ năng quản lí thời gian học tập, kĩ năng tập

trung chú ý khi học, kĩ năng ghi chép bài trên lớp, kĩ năng đọc tài liệu, kĩ năng chuẩn bị cho bài kiểm tra, kĩ năng vận dụng, kĩ năng viết, và kĩ năng tự chủ cảm xúc, hành vi.

3. Phương pháp và phương tiện nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện theo các phương pháp:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để thiết lập cơ sở lí luận của đề tài;
- Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang;
- Phương pháp trắc nghiệm dùng làm công cụ đo nghiệm trong công trình nghiên cứu;
- Phương pháp thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học để xử lí số liệu thực nghiệm của đề tài;

Để thực hiện việc phân tích và đánh giá kĩ năng học tập môn Hóa hữu cơ của sinh viên, chúng tôi đã sử dụng phối hợp hai công cụ phân tích dữ liệu là chương trình phân tích thống kê chuyên dụng SPSS for Windows và chương trình xử lí bảng tính điện tử Microsoft Excel trong việc xử lí kết quả thực nghiệm của nghiên cứu này.

3.1. Trình bày thang đo kĩ năng học tập

Để khảo sát kĩ năng học tập của sinh viên các lớp Dược 2008, Dược 2009, Dược 2010, chúng tôi đã lựa chọn thang đo kĩ năng học tập của Đại học Virginia (Mỹ) để biên dịch và sử dụng.

Thang đo này gồm 32 câu hỏi trắc nghiệm được thiết kế để đo lường mức độ tự đánh giá của sinh viên đối với việc hoàn thiện các lĩnh vực khác nhau về kĩ

năng học tập. Cách cho điểm các câu theo mức độ từ “hoàn toàn đúng”, “đúng”, “lúc đúng lúc sai”, “sai”, “hoàn toàn sai” từ 5 điểm cho đến 1 điểm. Tuy nhiên, ở những câu mang ý nghĩa tiêu cực, điểm được cho ngược lại để phù hợp với sự đánh giá mức độ của thang đo.

Thang đo kỹ năng học tập này được cấu trúc thành 8 phạm trù đo lường với các tiểu thang đo như sau: phạm trù kỹ năng quản lý thời gian học tập, phạm trù kỹ năng tập trung chú ý khi học, phạm trù kỹ năng ghi chép bài trên lớp, phạm trù kỹ năng đọc tài liệu, phạm trù kỹ năng chuẩn bị cho bài kiểm tra, phạm trù kỹ năng vận dụng, phạm trù kỹ năng viết, phạm trù kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi.

3.2. Một số tiêu chí đánh giá

Để có thể đưa ra kết luận về mức độ tự đánh giá của sinh viên cho từng tiêu chí qua từng câu trắc nghiệm cũng như của các tiểu thang đo, chúng ta căn cứ vào chuẩn đánh giá mức độ cao thấp M của từng câu dựa vào các khoảng ước lượng của điểm trung bình bình quân và độ lệch tiêu chuẩn bình quân của câu (đối với tiểu thang đo thì xét dựa vào trung bình điều hòa của tiểu thang đo đó) trên toàn thang đo kỹ năng học tập như sau:

* Trường hợp $M < 2,33$: tự đánh giá là ở mức độ dưới trung bình, sinh viên có nhu cầu rất cao trong việc cải thiện kỹ năng học tập theo tiêu chí được đánh giá.

* Trường hợp $2,33 \leq M \leq 3,53$: tự đánh giá là ở mức độ trung bình, sinh viên cần được cải thiện về kỹ năng học tập theo tiêu chí được đánh giá.

* Trường hợp $M > 3,53$: tự đánh giá là ở mức độ cao, sinh viên không có nhu cầu cải thiện về kỹ năng học tập theo tiêu chí được đánh giá.

3.3. So sánh sự khác biệt về kỹ năng học tập giữa các nhóm nghiên cứu theo thông số giới tính và theo thông số lớp

Để so sánh sự khác biệt về kỹ năng học tập giữa các nhóm nghiên cứu theo thông số giới tính và theo thông số lớp, chúng tôi đã sử dụng phép kiểm định phân tích phương sai của N mẫu độc lập với số mẫu lớn hơn 2 (One way ANOVA). Mức ý nghĩa được chọn có sự khác biệt về mặt ý nghĩa thống kê $p < \alpha$, trong đó $\alpha = 0,05$.

▪ Yêu cầu kiểm định theo thông số giới tính:

Giả thuyết:

H_0 : không có sự khác biệt về kỹ năng học tập giữa nam sinh viên và nữ sinh viên trong quá trình học.

H_1 : có sự khác biệt về kỹ năng học tập giữa nam sinh viên và nữ sinh viên trong quá trình học.

Mức ý nghĩa: $\alpha = 0,05$

▪ Yêu cầu kiểm định theo thông số lớp:

Giả thuyết:

H_0 : không có sự khác biệt về kỹ năng học tập giữa sinh viên các lớp.

H_1 : có sự khác biệt về kỹ năng học tập giữa sinh viên các lớp.

Mức ý nghĩa: $\alpha = 0,05$

4. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành theo phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên kết quả khảo sát về thực trạng các kỹ năng học tập của sinh viên tại

trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu được thực hiện trên sự khảo sát các bài trắc nghiệm kỹ năng học tập trong môn Hóa hữu cơ của sinh viên hệ chính quy các lớp Dược 2008, Dược 2009, Dược 2010 thuộc Khoa Dược - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Dụng cụ nghiên cứu là thang đo kỹ năng học tập với 32 câu hỏi trắc nghiệm.

Qua thống kê về số lượng và giới tính của sinh viên các lớp tham gia khảo sát, chúng tôi đã thu được những kết quả như sau:

* *Tổng số sinh viên tham gia khảo sát:* **486**

* *Lớp:*

- Dược 2008: **125**

- Dược 2009: **193**

- Dược 2010: **168**

* *Giới tính:*

- Nam: **179**

- Nữ: **307**

4.1. Kết quả chung về thông số của thang đo kỹ năng học tập

Thang đo kỹ năng học tập đã được khảo sát thử nghiệm trên sinh viên lớp Dược 2009 trước khi tiến hành khảo sát chính thức trên sinh viên hai lớp Dược 2008 và Dược 2010. Qua nghiên cứu các bài trắc nghiệm kỹ năng học tập của sinh viên các lớp tham gia khảo sát, chúng tôi đã rút ra được những kết quả như sau:

Các thông số nghiên cứu	Kết quả về thang đo
Số câu trắc nghiệm:	32
Số sinh viên làm trắc nghiệm:	486
Điểm trung bình toàn bài:	93,86
Độ lệch tiêu chuẩn toàn bài:	19,21
Điểm trung bình bình quân của câu:	2,93
Độ lệch tiêu chuẩn bình quân của câu:	0,60
Hệ số tin cậy:	0,91

Kết quả chung về thông số của thang đo kỹ năng học tập cho thấy hệ số tin cậy của thang đo $\alpha = 0,91$ là rất cao. Giá trị này cho phép kết luận thang đo là đáng tin cậy.

Để đánh giá độ hiệu lực của thang đo, chúng tôi tiến hành phân tích độ phân cách của các câu trắc nghiệm.

Bảng 1. Kết quả phân tích độ phân cách của các câu trắc nghiệm

Câu	Độ phân cách	Câu	Độ phân cách	Câu	Độ phân cách	Câu	Độ phân cách
1	0,54	9	0,41	17	0,51	25	0,51
2	0,55	10	0,58	18	0,53	26	0,44
3	0,55	11	0,48	19	0,35	27	0,49
4	0,46	12	0,49	20	0,58	28	0,49

5	0,51	13	0,50	21	0,50	29	0,41
6	0,41	14	0,66	22	0,52	30	0,67
7	0,32	15	0,61	23	0,42	31	0,61
8	0,51	16	0,52	24	0,58	32	0,63

Qua kết quả phân tích độ phân cách của các câu trắc nghiệm trong thang đo và đối chiếu các chỉ số về độ phân cách này với thang đánh giá độ phân cách của câu trắc nghiệm tương ứng, chúng tôi nhận thấy thang đo kỹ năng học tập có:

- 30 câu có độ phân cách rất tốt gồm các câu: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32 (trị số độ phân cách $\geq 0,40$).

- 2 câu có độ phân cách khá tốt gồm các câu: 7, 19 ($0,30 \leq$ trị số độ phân cách $\leq 0,39$).

Theo số liệu phân tích trên, sự phân biệt mức độ tự đánh giá của sinh viên về kỹ năng học tập được thể hiện rõ rệt. Điều này cho phép kết luận thang đo có độ hiệu lực tốt về nội dung và cấu trúc.

4.2. Kết quả phân tích thang đo theo từng lĩnh vực về kỹ năng học tập trên sinh viên

Bảng 2. Các thông số của toàn thang đo theo từng lĩnh vực kỹ năng

Lĩnh vực	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Trung bình điều hòa	Thứ bậc
1	Kỹ năng quản lý thời gian học tập	11,38	3,35	2,84	6
2	Kỹ năng tập trung chú ý khi học	11,08	3,27	2,77	8
3	Kỹ năng ghi chép bài trên lớp	11,76	2,91	2,94	3
4	Kỹ năng đọc tài liệu	11,55	3,13	2,89	4
5	Kỹ năng chuẩn bị cho bài kiểm tra	11,21	3,18	2,80	7
6	Kỹ năng vận dụng	11,39	3,36	2,85	5
7	Kỹ năng viết	12,53	3,07	3,13	2
8	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	12,96	3,09	3,24	1

Qua kết quả của bảng 2, xét theo trung bình điều hòa của từng nhóm kỹ năng học tập và so sánh với chuẩn đánh giá mức độ cao thấp M của các tiểu thang đo đã được trình bày ở phần 3.2, nghiên cứu cho thấy các lĩnh vực về kỹ năng học tập theo sinh viên tự đánh giá tương ứng với các mức độ đạt được từ cao đến thấp như sau: kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi

(thứ bậc 1), kỹ năng viết (thứ bậc 2), kỹ năng ghi chép bài trên lớp (thứ bậc 3), kỹ năng đọc tài liệu (thứ bậc 4), kỹ năng vận dụng (thứ bậc 5), kỹ năng quản lý thời gian học tập (thứ bậc 6), kỹ năng chuẩn bị cho bài kiểm tra (thứ bậc 7), kỹ năng tập trung chú ý khi học (thứ bậc 8).

Nhìn chung, tự đánh giá về các lĩnh vực kỹ năng học tập của sinh viên là ở

mức độ trung bình. Điều này cho phép kết luận sinh viên có nhu cầu cải thiện các kỹ năng học tập theo các tiêu chí được đánh giá.

4.3. So sánh sự khác biệt về kỹ năng học tập theo thông số giới tính

Giới tính cũng là một thông số để nói lên sự khác biệt ở một số nghiên cứu. Để làm rõ hơn kết quả trắc nghiệm của các tiêu thang đo kỹ năng học tập, việc phân tích theo thông số giới tính được thực hiện.

Bảng 3. Phân tích kết quả trắc nghiệm của thang đo kỹ năng học tập sử dụng kiểm định ANOVA mẫu độc lập về giới tính

Kỹ năng	Nam		Nữ		Trị số F	Mức ý nghĩa p
	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn		
Quản lý thời gian học tập	11,66	3,51	11,22	3,25	1,962	0,162
Tập trung chú ý khi học	11,35	3,53	10,93	3,10	1,856	0,174
Ghi chép bài trên lớp	11,68	2,98	11,80	2,88	0,220	0,639
Đọc tài liệu	11,91	3,45	11,33	2,91	3,891	0,049*
Chuẩn bị cho bài kiểm tra	11,26	3,44	11,17	3,03	0,090	0,764
Vận dụng	11,77	3,40	11,18	3,32	3,503	0,062
Viết	12,36	3,09	12,63	3,06	0,864	0,353
Tự chủ cảm xúc, hành vi	13,00	3,02	12,94	3,14	0,041	0,840
Toàn thang đo	94,98	19,92	93,21	18,79	0,968	0,326

(*) Mức ý nghĩa $p < \alpha = 0,05$

Kết quả của bảng 3 cho thấy:

- Xét trên từng lĩnh vực kỹ năng học tập, nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa nam sinh viên và nữ sinh viên về các kỹ năng quản lý thời gian học tập, kỹ năng tập trung chú ý khi học, kỹ năng ghi chép bài trên lớp, kỹ năng chuẩn bị cho bài kiểm tra, kỹ năng vận dụng, kỹ năng viết và kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi và có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa

nam sinh viên và nữ sinh viên về kỹ năng đọc tài liệu.

- Tuy nhiên, xét trên toàn thang đo, kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa nam sinh viên và nữ sinh viên về kỹ năng học tập.

4.4. So sánh sự khác biệt về kỹ năng học tập theo thông số lớp

Để tìm hiểu sự khác biệt về kỹ năng học tập giữa sinh viên các lớp, chúng tôi tiến hành phân tích theo thông số lớp.

Bảng 4. Phân tích kết quả trắc nghiệm của thang đo kỹ năng học tập theo thông số lớp

Kỹ năng	Dực 2008		Dực 2009		Dực 2010		Trị số F	Mức ý nghĩa p
	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn		
Quản lí thời gian học tập	12,26	3,76	11,12	3,08	11,02	3,24	6,004	0,003*
Tập trung chú ý khi học	11,78	3,25	11,35	3,15	10,25	3,25	9,309	0,000*
Ghi chép bài trên lớp	11,98	3,10	11,89	2,75	11,43	2,94	1,617	0,200
Đọc tài liệu	12,21	3,31	11,50	3,07	11,11	2,98	4,544	0,011*
Chuẩn bị cho bài kiểm tra	11,89	3,45	11,12	3,01	10,80	3,10	4,384	0,013*
Vận dụng	12,34	3,23	11,33	3,28	10,76	3,40	8,313	0,000*
Viết	12,69	3,40	12,49	2,85	12,47	3,08	0,215	0,807
Tự chủ cảm xúc, hành vi	12,71	3,27	13,39	3,00	12,66	3,03	3,067	0,047*
Toàn thang đo	97,87	20,31	94,19	18,25	90,50	18,95	5,420	0,005*

(*) *Mức ý nghĩa* $p < \alpha = 0,05$

- Xét trên từng lĩnh vực kỹ năng học tập, nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa sinh viên các lớp về các *kỹ năng ghi chép bài trên lớp và kỹ năng viết*, và có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa sinh viên các lớp về *kỹ năng quản lí thời gian học tập, kỹ năng tập trung chú ý khi học, kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng chuẩn bị cho bài kiểm tra, kỹ năng vận dụng và kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi* trong quá trình học.

- Xét trên toàn thang đo, kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa sinh viên các

lớp về kỹ năng học tập trong quá trình học.

5. Kết luận

Qua nghiên cứu thực trạng về các kỹ năng học tập môn Hóa hữu cơ của sinh viên, chúng tôi có thể rút ra những kết luận như sau:

1. Xét về phương diện giới tính, nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt giữa nam sinh viên và nữ sinh viên về các kỹ năng học tập trong quá trình học.

2. Mặt khác, khi nghiên cứu về kỹ năng học tập của các sinh viên theo các năm học, nghiên cứu cho thấy sinh viên

càng ở các lớp cao hơn sẽ có kỹ năng học tập tốt hơn các sinh viên lớp dưới.

3. Theo các tiêu chí đánh giá kỹ năng học tập của sinh viên mà nghiên cứu đã đề ra, chúng ta nhận thấy rằng kỹ năng học tập của sinh viên chỉ ở mức độ trung bình. Do đó, nhất thiết phải có một giáo trình và những lớp hướng dẫn phương pháp học tập theo từng chuyên ngành cho các sinh viên khi mới bước chân vào đại học. Bên cạnh đó, cần xây

dựng mạng lưới cố vấn học tập có hiệu quả theo từng lớp, từng chi đoàn nhằm nắm bắt được những khó khăn của sinh viên trong học tập để kịp thời có biện pháp hỗ trợ. Ngoài ra, còn cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy cho linh hoạt, đa dạng và sinh động nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp thu tốt hơn bài giảng để nâng cao dần trình độ của sinh viên trong quá trình đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Cường (2007), “Các lý thuyết học tập - Cơ sở tâm lý của đổi mới phương pháp dạy học”, *Tạp chí Giáo dục*, 153: 20-22.
2. Đặng Thành Hưng (2004), “Hệ thống kỹ năng học tập hiện đại”, *Tạp chí Giáo dục*, 78, tr. 25-27.
3. Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội: Quy trình, kỹ thuật thiết kế, thích nghi, chuẩn hóa công cụ đo*, Nxb Chính trị Quốc gia.
4. Đặng Phương Kiệt (2001), *Cơ sở Tâm lý học ứng dụng*, tập 1, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Phan Trọng Ngọ, Dương Diệu Hoa, Nguyễn Thị Mùi (2000), *Tâm lý học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm. Hà Nội.
7. Nguyễn Thạc, Phạm Hoàng Nghị (2007), *Tâm lý học sư phạm đại học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
8. Nguyễn Cảnh Toàn, Nguyễn Kỳ, Lê Khánh Bằng, Vũ Văn Tảo (2004), *Học và dạy cách học*, Nxb Đại học Sư phạm. Hà Nội.
9. Gene V Glass, Julian C. Stanley (1970), *Statistical Methods in Education and Psychology*, Prentice - Hall, Inc., Englewood Cliffs, New Jersey.
10. Kenneth D. Hopkins, Julian C. Stanley (1997), *Educational and Psychological Measurement and Evaluation*, Allyn & Bacon.
11. Richard Riding, Stephen Rayner (1998), *Cognitive Styles and Learning Strategies*, David Fulton Publishers, London.
12. Franz Emanuel Weinert (1998), *Sự phát triển nhận thức học tập và giảng dạy*. Nxb Giáo dục. (Người dịch: Việt Anh - Nguyễn Hoài Bảo).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-9-2012; ngày phản biện đánh giá: 08-10-2012
ngày chấp nhận đăng: 07-01-2013)

